

Tăng tỷ trọng

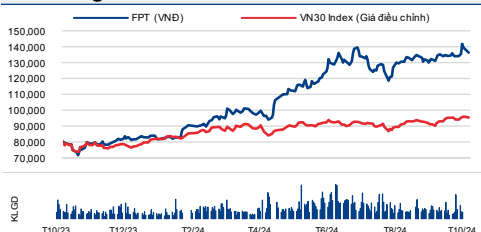
Giá mục tiêu: VNĐ147,200

Tiềm năng tăng/giảm: 7.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/10/2024)	137,000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	71,679-141,700
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	136,975
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	200,081
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,941
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,460
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	716
Slg CP NN được mua (tr.đv)	41.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	46.1%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	52,618	63,409	76,284
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,738	12,798	15,620
LNTT (tỷ đồng)	9,203	11,104	13,548
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,449	7,903	9,896
FCF (tỷ đồng)	5,539	4,786	7,194
EPS ĐC (đồng)	4,661	4,937	6,181
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	19,665	20,037	23,718
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	19.2	22.0
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.24	5.91	25.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.2	20.5
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	17.5	17.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.5	13.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.9	40.5	40.4
Nợ thuần/VCSH (%)	25.5	21.4	14.1
ROAE (%)	28.1	29.2	31.0
ROACE (%)	29.3	30.4	31.3
EV/doanh thu (lần)	3.42	3.24	2.67
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.7	16.1	13.1
P/E ĐC (lần)	29.4	27.8	22.2
P/B (lần)	6.97	6.84	5.78
Lợi suất cổ tức (%)	1.46	1.46	1.82

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp &

nga.ttthu@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Q3/2024: Lợi nhuận thuần tăng 20%; sát với dự báo

- FPT công bố KQKD sơ bộ Q3/2024, với lợi nhuận thuần 2.090 tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ và 11,5% so với quý trước, sát với dự báo của HSC ở mức 2.103 tỷ đồng.
- Doanh thu Q3/2024 tăng chỉ 16% so với cùng kỳ đạt 15.903 tỷ đồng do mảng giáo dục ghi nhận KQKD kém tích cực. Mảng công nghệ vẫn là động lực tăng trưởng doanh thu trong Q3/2024, với mức tăng 19% so với cùng kỳ, được thúc đẩy bởi phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài (tăng 27% so với cùng kỳ).
- Trong 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 5.762 tỷ đồng, tăng 21,5% so với cùng kỳ và hoàn thành 73% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của HSC ở mức 7.923 tỷ đồng (tăng trưởng 22,5%).
- FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 24 lần, cao hơn bình quân 3 năm ở mức 17 lần, nhưng vẫn thấp hơn 6% so với bình quân các doanh nghiệp trong khu vực. Cổ phiếu được định giá cao là hợp lý vì Công ty đang có triển vọng tích cực.

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q3/2024 ngày 18/10/2024

Ngày 18/10/2024, FPT công bố KQKD sơ bộ Q3/2024 vững chắc với lợi nhuận thuần đạt 2.090 tỷ đồng (tăng 20% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước) trên doanh thu thuần 15.903 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ và 4% so với quý trước). Lợi nhuận ghi nhận trong quý sát với dự báo của HSC ở mức 2.103 tỷ đồng.

Với kết quả trên, lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 của FPT đạt 5.762 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ trên doanh thu thuần 45.241 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ. FPT đã hoàn thành lần lượt 71%/ 73% dự báo doanh thu thuần/lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của chúng tôi. Chi tiết như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, FPT

FPT ghi nhận KQKD tăng mạnh & sát với dự báo, dẫn dắt bởi mảng dịch vụ CNTT nước ngoài

Tỷ đồng	Q3/24	% sv cùng kỳ	% sv quý trước	9T2024	% sv cùng kỳ	% 2024F HSC dự báo
Doanh thu	15,903	15.6%	4.3%	45,241	19.3%	71.3%
CNTT	9,887	18.9%	2.9%	27,964	24.2%	72.3%
Nước ngoài	8,095	26.5%	6.9%	22,668	28.6%	73.7%
Trong nước	1,792	-6.5%	-11.8%	5,296	8.3%	66.8%
Viễn thông	4,556	13.7%	7.7%	12,800	9.5%	74.1%
Khác	1,460	1.5%	3.7%	4,477	20.3%	60.1%
LNTT	2,913	19.9%	9.3%	8,111	19.8%	73.0%
CNTT	1,360	21.1%	4.9%	3,812	21.9%	72.8%
Nước ngoài	1,320	26.4%	12.0%	3,614	25.6%	75.3%
Trong nước	40	-49.4%	-66.1%	198	-20.8%	44.9%
Viễn thông	907	15.5%	-2.8%	2,666	16.0%	74.8%
Khác	646	24.0%	48.8%	1,633	21.8%	71.0%
Lợi nhuận thuần	2,090	20.2%	11.5%	5,762	21.5%	72.7%

Nguồn: FPT, HSC

Dịch vụ CNTT nước ngoài dẫn dắt tăng trưởng của mảng công nghệ

Mảng công nghệ tiếp tục trở thành động lực tăng trưởng doanh thu trong Q3/2024 của FPT, với mức tăng 19% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước đạt 10 nghìn tỷ đồng, được thúc đẩy bởi phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài. Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu mảng công nghệ đạt 28 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ.

Theo đó, doanh thu **dịch vụ CNTT nước ngoài** Q3/2024 đạt 8.095 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 27% so với cùng kỳ và 7% so với quý trước, cho thấy doanh thu 9 tháng đầu năm 2024 đạt 22,7 nghìn tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu chuyển đổi số trong Q3/2024 và 9 tháng đầu năm 2024 đạt lần lượt 3.709 tỷ đồng (tăng 31% so với cùng kỳ nhưng không đổi so với quý trước) và 10,4 nghìn tỷ đồng (tăng 35% so với cùng kỳ). Doanh thu chuyển đổi số đóng góp 63% doanh thu phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài, cao hơn mức 51% trong Q2/2024 và 44% trong Q3/2023. Mức đóng góp của các thị trường vào doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài trong Q3/2024 như sau:

- Nhật Bản vẫn là thị trường nước ngoài lớn nhất của FPT (chiếm 39,6%), đóng góp 3.205 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ.
- Khu vực châu Á-Thái Bình Dương là thị trường lớn thứ 2 (chiếm 27,9%), đóng góp 2.256 tỷ đồng, tăng 46% so với cùng kỳ.
- Mỹ là thị trường lớn thứ 3 (chiếm 24%), đóng góp 1.944 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ.

Đối với các hợp đồng mới ký kết, doanh thu Q3/2024 được ghi nhận ở mức 6.450 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ nhưng giảm 27,1% so với quý trước. Nguyên nhân chính là do thị trường Mỹ tăng chậm lại. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu ký kết mới đạt 25,1 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ.

Đối với phân khúc **dịch vụ CNTT trong nước**, doanh thu giảm 7% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước đạt 1.792 tỷ đồng, do thắt chặt chi tiêu cho CNTT tại thị trường trong nước. Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu dịch vụ CNTT trong nước đạt 5,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

Mặc dù vậy, HSC vẫn nhận thấy có sự cải thiện ở phân khúc các sản phẩm Made-by-FPT, với tốc độ tăng trưởng mạnh 47% so với cùng kỳ lên 561 tỷ đồng trong Q3/2024 và 1.503 tỷ đồng (tăng 47% so với cùng kỳ) trong 9 tháng đầu năm 2024. Với kết quả trên, sản phẩm Made-by-FPT đóng góp 31,3% doanh thu dịch vụ CNTT trong nước, từ mức 19,9% trong Q3/2023 và 21,9% trong Q2/2024.

Mảng viễn thông duy trì đà tăng trưởng

Trong Q3/2024, doanh thu mảng viễn thông tăng trưởng khá tốt ở mức 14% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước đạt 4.556 tỷ đồng, chủ yếu nhờ doanh thu dịch vụ internet băng thông rộng (tăng 14,3% trong Q3/2024 lên 2.243 tỷ đồng). Trong khi đó, doanh thu đường dây cho thuê, trung tâm dữ liệu, và Pay TV (truyền hình trả tiền) trong Q3/2024 tăng 11,6% so với cùng kỳ đạt 2.112 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng trong quý cao hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng 6% trong Q1/2024 và 9% trong Q2/2024. Kết quả trên dẫn đến doanh thu mảng viễn thông trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 12.800 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ.

Mảng giáo dục tăng trưởng chậm lại

HSC nhận thấy tốc độ tăng trưởng của mảng giáo dục chậm lại. Theo đó, doanh thu Q3/2024 của mảng này tăng khiêm tốn 3% so với cùng kỳ và 5% so với quý trước đạt chỉ 1.730 tỷ đồng. Doanh thu trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 5.155 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ. Như đã đề cập trong Báo cáo doanh nghiệp "[Ha khuyến nghị xuống Tăng tỷ trọng do định giá](#)", tốc độ tăng trưởng của tỷ lệ tuyển sinh cho năm học mới 2024 kém khả quan, chủ yếu ở phân khúc đào tạo nghề và đại học, vì một số lý do như sau:

- Kinh tế khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động của trường tư.
- Ngành Công nghệ ngày càng phổ biến tại Việt Nam nên số lượng tuyển sinh ngành này vào các trường đại học công lập tăng 10-15% trong năm nay, tạo ra sự cạnh tranh trong việc thu hút tân sinh viên.

Mặc dù doanh thu giảm, tỷ suất lợi nhuận tăng

Lợi nhuận thuần tăng mạnh 20% so với cùng kỳ và 12% so với quý trước lên 2.090 tỷ đồng, sát với dự báo, nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện. Tỷ suất LNTT tăng lên 18,3% trong Q3/2024 từ mức 17,7% trong Q3/2023 và 17,5% trong Q2/2024:

- Tỷ suất LNTT của phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài được ghi nhận ở mức 16,3% (không đổi so với cùng kỳ) từ mức 15,6% trong Q2/2024, nhờ năng suất lao động của nhân viên cải thiện và đồng yên tăng giá trong Q3/2024.
- Tỷ suất LNTT mảng giáo dục/đầu tư tăng lên 44,2% trong Q3/2024 từ mức 36,2% trong Q3/2023 và 30,8% trong Q2/2024.

Với kết quả trên, tỷ suất lợi nhuận thuần tăng lên mức 13,1% trong Q3/2024, từ mức 12,6% trong Q3/2023 và Q2/2024. Trong 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần đạt 5.762 tỷ đồng, tăng 21,5% so với cùng kỳ và hoàn thành 73% dự báo lợi nhuận thuần cho cả năm 2024 của HSC ở mức 7.923 tỷ đồng (tăng trưởng 22,5%).

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho năm 2024 với lợi nhuận thuần đạt 7.923 tỷ đồng (tăng trưởng 22,5%) trên doanh thu thuần 63.409 tỷ đồng (tăng trưởng 20,5%). Với kết quả trên, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt 2.161 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước. Quý 4 thường là quý ghi nhận doanh thu/lợi nhuận cao nhất của FPT. Điều này là do nhu cầu hoàn tất một số dịch vụ trước khi kết thúc năm, giúp thúc đẩy việc ghi nhận doanh thu.

FPT đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 và 2025 lần lượt là 27,8 lần và 22,2 lần, tương đương với P/E trượt dự phóng 1 năm là 23,6 lần, cao hơn so với bình quân 3 năm ở mức 16,8 lần. Cổ phiếu đang giao dịch ở mức chiết khấu 6% so với các doanh nghiệp trong khu vực (giao dịch với P/E dự phóng năm 2025 ở mức 23,6 lần). Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT, với giá mục tiêu không đổi 147.200đ (tiềm năng tăng giá 7%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	44,010	52,618	63,409	76,284	92,859
Lợi nhuận gộp	17,167	20,320	24,516	29,676	36,263
Chi phí BH&QL	(10,373)	(11,868)	(14,368)	(17,337)	(21,152)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	484	42.3	314	499	630
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	73.0	91.3	110	132	161
LN TT	7,662	9,203	11,104	13,548	16,600
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,181)	(1,323)	(1,559)	(1,697)	(1,852)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	5,310	6,465	7,923	9,920	12,434
Lợi nhuận thuần ĐC	5,297	6,449	7,903	9,896	12,405
EBITDA ĐC	8,628	10,738	12,798	15,620	19,163
EPS (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
EPS ĐC (đồng)	4,429	4,661	4,937	6,181	7,747
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,095	1,267	1,460	1,460	1,460
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,460	1,460	1,460

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Đầu tư ngắn hạn	13,047	16,104	19,325	23,190	27,828
Phải thu khách hàng	8,503	9,674	11,604	13,960	16,993
Hàng tồn kho	1,966	1,593	1,902	2,289	2,786
Các tài sản ngắn hạn khác	982	1,055	1,268	1,526	1,857
Tổng tài sản ngắn hạn	30,938	36,706	45,027	56,301	70,330
TSCĐ hữu hình	11,776	13,697	14,720	15,695	16,476
TSCĐ vô hình	1,287	1,257	1,197	1,094	936
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,033	1,227	1,322	1,421	1,525
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,206	2,108	2,213	2,324	2,440
Tài sản dài hạn khác	4,411	5,288	5,992	6,591	7,461
Tổng tài sản dài hạn	20,713	23,577	25,443	27,124	28,837
Tổng cộng tài sản	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
Nợ ngắn hạn	10,904	13,838	15,852	18,308	20,429
Phải trả người bán	3,209	2,603	3,170	3,814	4,643
Nợ ngắn hạn khác	9,246	11,176	13,011	15,653	19,054
Tổng nợ ngắn hạn	24,521	29,652	34,365	40,579	47,540
Nợ dài hạn	1,478	208	600	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	149	246	330	396	475
Nợ dài hạn khác	143	175	209	252	307
Tổng nợ dài hạn	1,770	629	1,139	1,648	1,782
Tổng nợ phải trả	26,294	30,350	35,504	42,227	49,322
Vốn chủ sở hữu	21,046	24,974	29,263	34,640	42,303
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,310	4,959	5,703	6,558	7,542
Tổng vốn chủ sở hữu	25,356	29,933	34,966	41,198	49,845
Tổng nợ phải trả và VCSH	51,650	60,283	70,470	83,425	99,167
BVPS (đ)	19,185	19,665	20,037	23,718	28,966
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,942	5,767	5,524	3,971	564

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,795	8,452	10,147	12,339	15,111
Khấu hao	(1,833)	(2,287)	(2,650)	(3,281)	(4,052)
Lãi vay thuần	311	618	533	577	699
Thuế TNDN đã nộp	(1,171)	(1,415)	(1,622)	(1,931)	(2,315)
Thay đổi vốn lưu động	(1,781)	678	(1,793)	(1,649)	(2,123)
Khác	(933)	(1,102)	(1,199)	(882)	(788)
LCT thuần từ HKKD	5,054	9,517	8,718	11,735	14,636
Đầu tư TS dài hạn	(3,215)	(3,978)	(3,932)	(4,541)	(5,147)
Góp vốn & đầu tư	(33,552)	(35,290)	(3,326)	(3,976)	(4,754)
Thanh lý	40,731	30,582	0	0	0
Khác	1,794	2,137	1,704	1,986	2,323
LCT thuần từ HĐĐT	5,757	(6,548)	(5,554)	(6,531)	(7,578)
Cổ tức trả cho CSH	(2,222)	(2,931)	(2,921)	(3,651)	(3,651)
Thu từ phát hành CP	77.0	73.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(7,620)	1,719	2,406	2,856	2,121
Khác	(8.38)	(30.2)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9,773)	(1,168)	(515)	(795)	(1,530)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,418	6,440	8,279	10,928	15,337
LCT thuần trong kỳ	1,038	1,800	2,649	4,409	5,529
Ảnh hưởng của tỷ giá	(15.4)	38.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,440	8,279	10,928	15,337	20,865
Dòng tiền tự do	1,839	5,539	4,786	7,194	9,490

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.0	38.6	38.7	38.9	39.1
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.6	20.4	20.2	20.5	20.6
Tỷ suất LNT (%)	12.1	12.3	12.5	13.0	13.4
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.3	15.4	14.6	14.3	13.9
Tăng trưởng doanh thu (%)	23.4	19.6	20.5	20.3	21.7
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.2	24.5	19.2	22.0	22.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.7	21.7	22.6	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	5.24	5.91	25.2	25.3
Tăng trưởng DPS (%)	(25.9)	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.2	42.9	40.5	40.4	32.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.2	28.1	29.2	31.0	32.3
ROACE (%)	26.6	29.3	30.4	31.3	32.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.84	0.94	0.97	0.99	1.02
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.74	1.13	0.86	0.95	0.97
Số ngày tồn kho	26.7	18.0	17.9	17.9	18.0
Số ngày phải thu	116	109	109	109	110
Số ngày phải trả	43.6	29.4	29.8	29.9	29.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	30.6	25.5	21.4	14.1	3.92
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.3	24.4	24.2	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	1.36	1.34	1.29	1.18
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.26	1.24	1.31	1.39	1.48
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.55	3.42	3.24	2.67	2.16
EV/EBITDA ĐC (lần)	18.1	16.7	16.1	13.1	10.5
P/E (lần)	30.9	29.4	27.8	22.2	17.7
P/E ĐC (lần)	30.9	29.4	27.8	22.2	17.7
P/B (lần)	7.14	6.97	6.84	5.78	4.73
Lợi suất cổ tức (%)	1.46	1.46	1.46	1.82	1.82

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn